

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201508 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030781	36CXD4	Nguy n V ấ C u	11/06/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
2	3671030823	36CXD4	Tr n Ho ấ Tr ấ C ng	01/12/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
3	3671030804	36CXD4	L ng Ng c Chí	15/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3671030761	36CXD4	Hu nh Thanh Chúc	10/01/1994				3.0			3.0	0.9	0.5	0.4	1.3	
5	3671030788	36CXD4	Nguy n C ấ ng Duy	08/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671030502	36CXD4	Nguy n Qu c Duy	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671030899	36CXD4	Lê Anh D ấ g	09/09/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
8	3671030902	36CXD4	Nguy n Anh ấ c	14/10/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
9	3671030766	36CXD4	Hu nh Tam Giang	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3671030786	36CXD4	Lê Xuân Hi u	09/02/1992				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
11	3671030861	36CXD4	Nguy n Ng c Hi u	12/10/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
12	3671032008	36CXD4	Nguy n Thanh Kh i Hoàng	26/02/1994				3.0			3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
13	3671030798	36CXD4	Nguy n Th ầ i Hòa	17/02/1991				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
14	3671030866	36CXD4	H ấ o ấ Qu c Huy	26/04/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
15	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang Km Ki t	13/06/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
16	3671030846	36CXD4	Nguy n Vi t L c	24/09/1994				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
17	3671030756	36CXD4	V ½ V ấ M n	06/10/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
18	3671031603	36CXD4	Tr ng Cao Minh	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
19	3671030882	36CXD4	Ph m Tr n Th ầ nh Nam	30/09/1994				3.0			3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD4 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ã T : H c ph n : 122067201508 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030887	36CXD4	Nguy n V ã	Ngoan	17/04/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
21	3671030752	36CXD4	Phan Phong	Nhã	05/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3671030840	36CXD4	L ² Tr ng	Nhân	14/05/1994				4.0			4.0	1.2	8.0	5.6	6.8	
23	3671030735	36CXD4	Nguy n V ã	Phát	10/08/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
24	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh	Phong	07/01/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
25	3671030862	36CXD4	Nguy n Ho ã	Phú	29/01/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
26	3671031952	36CXD4	Lê Duy	Ph ng	12/09/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
27	3671030879	36CXD4	Nguy n V ã	Ph ng	20/01/1993				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
28	3671030729	36CXD4	Nguy n Minh	Quang	23/06/1994				3.0			3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
29	3671030758	36CXD4	Th Quang	Rim	15/10/1993				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
30	3671030807	36CXD4	Bùi Thanh	Sang	14/03/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
31	3671030789	36CXD4	Nguy n Ng c	Tài	19/07/1994				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
32	3671030727	36CXD4	Huỳnh V ã	Tâm	17/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3671030875	36CXD4	L ² H u	Tâm	24/02/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
34	3671030802	36CXD4	Nguy n V ã	Tiên	08/05/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
35	3671030799	36CXD4	Nguy n Ph m Minh	Ti n	23/04/1994				2.0			2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
36	3671030868	36CXD4	Lý Chánh	Tín	26/03/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
37	3671032050	36CXD4	Nguy n ã c	Tính	29/07/1994				2.0			2.0	0.6	8.0	5.6	6.2	
38	3671030893	36CXD4	Ng» B o	Toàn	28/05/1991				6.0			6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201508 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030774	36CXD4	Nguy n ấ c To ần	07/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	3671030821	36CXD4	Ću D ng Tu n	12/08/1994				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
41	3671030876	36CXD4	Th p V ấ Thuy n	20/03/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3671030734	36CXD4	ấ o ầ Thanh Tú	16/01/1993				3.0			3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
43	3671030777	36CXD4	Nguy n Ch ng Th ng	18/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3671030870	36CXD4	Tr n V ấ Th nh	25/01/1994				0.0			0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	
45	3671030792	36CXD4	Tr n Th Th ng	19/03/1994				5.0			5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
46	3671030873	36CXD4	Ng» V ấ Trung	07/11/1994				0.0			0.0	0.0	4.0	2.8	2.8	
47	3671030730	36CXD4	Nguy n Th V ấ h	04/03/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	

T ng s : 47 h c sinh sinh vĩ 2 n
Tr ng Khoa Gi ầ Vĩ 2 n B M»n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ầ V Khoa